

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ONE**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103000266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2001.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 8 năm 2010 Công ty được cấp lại mã số doanh nghiệp là 0100233174, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 4 tháng 7 năm 2023 đổi tên Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 thành Công ty Cổ phần Công nghệ One và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 07 tháng 3 năm 2024 thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3976 5086
- Fax : (024) 3976 5123

Công ty có Chi nhánh đặt tại địa chỉ số 62 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt các thiết bị điện tử viễn thông, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ...; sản xuất điện thành phẩm.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lư Hồng Chiếu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Đinh Quang Thái	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Vũ Bình Minh	Trưởng ban	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Đoàn Thu Hằng	Thành viên	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Đỗ Liên Hương	Thành viên	Ngày 23 tháng 6 năm 2023

Ban điều hành và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đặng Anh Phương	Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Lư Hồng Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông La Thanh Cần	Giám đốc chi nhánh	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 6 năm 2023

7815
HI NH
ÔNG
NHIỆM
TOÁN V
A &
AI HÀ
ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Anh Phương - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Phương

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

002
ANH
TY
HỮU
À TƯ
C
NỘI
TP. H

Số: 2.0509/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

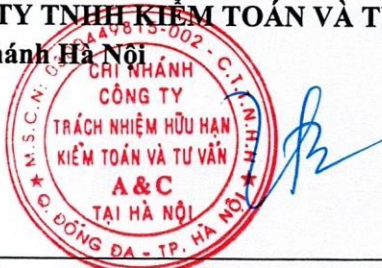
Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ One tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		295.860.440.281	352.664.810.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.133.371.933	33.333.883.473
1. Tiền	111		11.133.371.933	33.333.883.473
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.249.293.641	211.693.601.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	212.701.579.446	224.382.254.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.379.885.292	1.950.595.007
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	7.383.930.337	10.313.880.831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(29.216.101.434)	(24.953.128.215)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	68.881.945.215	104.238.703.486
1. Hàng tồn kho	141		70.542.789.134	105.899.547.405
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.660.843.919)	(1.660.843.919)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		595.829.492	3.398.621.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		87.801.656	386.471.185
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.270.933.405
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	508.027.836	741.216.770
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.921.335.854	14.275.074.110
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	103.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	-	103.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.609.163.054	13.704.874.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	12.609.163.054	13.704.874.940
<i>Nguyên giá</i>	222		25.614.336.121	25.614.336.121
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.005.173.067)	(11.909.461.181)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		312.172.800	467.199.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		312.172.800	467.199.170
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.781.776.135	366.939.884.252

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		213.603.275.859	265.889.364.645
I. Nợ ngắn hạn	310		209.460.554.338	260.790.630.466
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	111.479.909.958	199.464.923.302
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	28.589.860.932	8.855.112.504
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	4.045.604.907	8.413.599.743
4. Phải trả người lao động	314		367.787.509	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	917.936.787	890.974.436
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		476.927.523	846.863.159
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	5.395.397.238	5.121.730.238
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	57.080.043.006	36.170.577.606
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	1.107.086.478	1.026.849.478
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.142.721.521	5.098.734.179
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	4.142.721.521	5.098.734.179
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.178.500.276	101.050.519.607
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	95.178.500.276	101.050.519.607
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.603.100.000	79.603.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		79.603.100.000	79.603.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		569.520.609	569.520.609
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.484.618.519	5.394.500.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(330.903.170)	(330.903.170)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.217.877.737	8.217.877.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.634.286.581	7.596.424.431
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.326.068.912	7.596.424.431
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.691.782.331)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		308.781.776.135	366.939.884.252

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hoa

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	169.762.366.142	192.621.165.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		169.762.366.142	192.621.165.430
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	155.462.560.382	177.495.597.643
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.299.805.760	15.125.567.787
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.308.158	611.467.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.589.861.153	1.915.117.567
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.955.931.193	1.915.003.167
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.197.852.141	877.431.540
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.441.139.981	12.370.028.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.890.739.357)	574.457.749
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.576.832	72.916.623
12. Chi phí khác	32	VI.8	803.619.806	486.435.726
13. Lợi nhuận khác	40		(801.042.974)	(413.519.103)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.691.782.331)	160.938.646
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	-	78.550.921
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.691.782.331)	82.387.725
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(721)	10
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(721)	10

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hoa

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

002
NH
Y
HỮU
TƯ
NỘI
P. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.691.782.331)	160.938.646
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	1.095.711.886	1.092.869.422
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	4.262.973.219	3.169.297.578
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	1.464.214.339	(362.737.610)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.955.931.193	1.915.003.167
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.087.048.306	5.975.371.203
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.211.542.698)	120.350.045.175
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.356.758.271	(2.778.060.202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(73.390.528.174)	(114.093.377.253)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		453.695.899	371.656.504
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.758.495.524)	(2.257.591.710)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(570.681.879)	(463.550.699)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(100.000.000)	(85.217.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.133.745.799)	7.019.276.018
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(31.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(31.800.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.12	76.253.839.490	41.979.124.894
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.12	(56.321.246.748)	(114.151.338.781)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.686.118.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.932.592.742	(75.858.332.637)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(22.201.153.057)	(68.870.856.619)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	33.333.883.473	83.997.735.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	641.517	646.306
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	11.133.371.933	15.127.525.016

Người lập biểu

Trần Thị Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: Tư vấn, thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt các thiết bị điện tử viễn thông, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ...; sản xuất điện thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ One, địa chỉ tại số 62 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 76 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí phát sinh của các hợp đồng đang thực hiện chưa ghi nhận doanh thu.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng hoặc theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	07

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

5-06
ÁNH
TY
HỮU
VÀ TI
C
NỘ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong một lĩnh vực cung cấp và lắp đặt thiết bị viễn thông và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	171.016.175	439.773.883
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.962.355.758	32.894.109.590
Cộng	11.133.371.933	33.333.883.473

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Samjin Việt Nam	35.275.804.288	35.275.804.288
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân Đội	12.079.505.400	33.666.455.400
Công ty Cổ phần Công nghệ S9	28.773.964.800	1.972.222.500
Các khách hàng khác	136.572.304.958	153.467.772.012
Cộng	212.701.579.446	224.382.254.200

Trong đó, công nợ phải thu khách hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 43.888.498.235 VND (số đầu năm là 22.699.450.470 VND) được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

3. Phải thu khác

3a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.417.684.282	-	1.527.716.882	-
Ông Lư Hồng Chiêu - Tạm ứng	193.850.910	-	229.245.510	-
Ông Lê Việt Thắng - Tạm ứng	84.998.800	-	84.998.800	-
Ông Đặng Anh Phương - Chi hộ	1.138.834.572	-	1.213.472.572	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.966.246.055	(494.694.857)	8.786.163.949	(508.375.239)
Ông Nguyễn Hà Duy - Tạm ứng dự án	619.500.000	-	619.500.000	-
Tạm ứng cho các nhân viên	3.631.645.071	-	3.484.501.625	-
Ký cược, ký quỹ	857.955.772	-	3.815.600.220	-
Cho mượn vật tư, hàng hóa	779.874.962	(494.694.857)	832.290.318	(508.375.239)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	77.270.250	-	34.271.786	-
Cộng	7.383.930.337	(494.694.857)	10.313.880.831	(508.375.239)

3b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	32.042.720.708	(28.541.140.628)	32.042.720.708	(24.264.487.027)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	4.206.680.218	(4.206.680.218)	4.206.680.218	(4.206.680.218)
Sở Y tế Thanh Hóa	10.969.112.000	(10.969.112.000)	10.969.112.000	(7.678.378.400)
Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang	6.742.333.601	(4.719.633.521)	6.742.333.601	(4.719.633.521)
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương	4.929.600.000	(3.450.720.000)	4.929.600.000	(2.464.800.000)
Các khách hàng khác	5.194.994.889	(5.194.994.889)	5.194.994.889	(5.194.994.888)
Trả trước cho người bán	180.265.949	(180.265.949)	180.265.949	(180.265.949)
Phải thu khác	494.694.857	(494.694.857)	508.375.239	(508.375.239)
Cộng	32.717.681.514	(29.216.101.434)	32.731.361.896	(24.953.128.215)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	24.953.128.215	21.016.353.588
Trích lập dự phòng bổ sung	4.276.653.601	4.658.622.400
Hoàn nhập dự phòng	(13.680.382)	(1.489.324.822)
Số cuối kỳ	29.216.101.434	24.185.651.166

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.006.576.190	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.423.156.108	-	87.654.470.647	-
Trong đó:				
Công trình bệnh viện Việt Đức	11.463.087.150	-	11.463.087.150	-
Công trình bệnh viện Bạch Mai	5.083.258.468	-	5.083.258.468	-
Công trình Nhà máy Lego	10.855.712.944	-	4.967.105.870	-
Các công trình khác	31.021.097.546	-	66.141.019.159	-
Hàng hóa	12.119.633.026	(1.660.843.919)	14.238.500.568	(1.660.843.919)
Cộng	70.542.789.134	(1.660.843.919)	105.899.547.405	(1.660.843.919)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.850.000.000	13.720.300.000	4.783.094.461	2.134.578.024	126.363.636	25.614.336.121
Số cuối kỳ	4.850.000.000	13.720.300.000	4.783.094.461	2.134.578.024	126.363.636	25.614.336.121
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.500.000	2.759.138.279	1.824.957.430	126.363.636	4.748.959.345
Chờ thanh lý	-	-	-	229.620.594	-	229.620.594
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.535.833.333	4.369.391.667	3.781.072.298	2.096.800.247	126.363.636	11.909.461.181
Khấu hao trong kỳ	242.500.000	687.800.000	152.115.082	13.296.804	-	1.095.711.886
Số cuối kỳ	1.778.333.333	5.057.191.667	3.933.187.380	2.110.097.051	126.363.636	13.005.173.067
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.314.166.667	9.350.908.333	1.002.022.163	37.777.777	-	13.704.874.940
Số cuối kỳ	3.071.666.667	8.663.108.333	849.907.081	24.480.973	-	12.609.163.054
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.350.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Material Network Chain Pte Ltd (MNC)	-	44.583.250.000
Marubeni International Trading LTD (MIT)	3.854.308.167	21.960.127.000
Nokia Solutions and Networks OY	14.045.082.144	27.400.370.410
Các nhà cung cấp khác	93.580.519.647	105.521.175.892
Cộng	111.479.909.958	199.464.923.302

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	-	1.985.299.868
Tổng Công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL)	1.027.000.000	1.027.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	1.731.159.921	1.731.159.921
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Trường Hải	1.860.389.935	1.860.389.935
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà (*)	21.748.500.000	-
Các khách hàng khác	2.222.811.076	2.251.262.780
Cộng	28.589.860.932	8.855.112.504

(*) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng mua bán thiết bị nhập khẩu, thời gian giao hàng trong vòng 4 tháng kể từ ngày 30/05/2024.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	97.555.186	445.160.727	2.234.605.319	(465.386.093)	1.421.613.685	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	296.056.043	13.756.779	(13.756.779)	-	296.056.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	358.710.086	-	-	(570.681.879)	-	211.971.793
Thuế thu nhập cá nhân	180.216.302	-	98.857.998	(197.482.851)	81.591.449	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	7.777.118.169	-	289.110.477	(5.523.828.873)	2.542.399.773	-
Cộng	8.413.599.743	741.216.770	2.640.330.573	(6.775.136.475)	4.045.604.907	508.027.836

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm 0%
- Hàng hóa, dịch vụ khác 8% và 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.691.782.331)	160.938.646
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	147.066.792	231.815.959

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Các khoản điều chỉnh tăng	147.066.792	231.815.959
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	
Thu nhập tính thuế	(5.544.715.539)	392.754.605
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	78.550.921

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	358.396.787	160.961.118
Chi phí sản xuất kinh doanh	559.540.000	730.013.318
Cộng	917.936.787	890.974.436

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	125.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	125.000.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.270.397.238	5.121.730.238
Kinh phí công đoàn	1.141.232.688	990.395.688
Cổ tức phải trả	4.090.667.146	4.090.667.146
Các khoản phải trả khác	38.497.404	40.667.404
Cộng	5.395.397.238	5.121.730.238

12. Vay

12a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.000.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Thị Chinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	500.000.000	500.000.000
Bà Hoàng Thị Thanh Nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.000.000.000	-
Ông La Thanh Cần ⁽ⁱⁱⁱ⁾	500.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.798.557.690	30.079.952.290
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	-	9.813.351.428
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ⁽ⁱ⁾	32.869.157.690	11.887.807.950
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	-	8.378.792.912
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽ⁱⁱ⁾	9.929.400.000	-
Vay ngắn hạn nhân viên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.360.000.000	1.160.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.009.460.000	2.518.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)	1.912.025.316	1.912.025.316
Cộng	57.080.043.006	36.170.577.606

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, hạn mức tín dụng 295 tỷ đồng. Thời hạn và lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 (Xem thuyết minh số VII.1a).
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, hạn mức tín dụng tối đa 100 tỷ đồng, thời hạn và lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Là các khoản vay tín chấp cá nhân không có thời hạn, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để nhập vật tư phục vụ cho việc thực hiện các hợp đồng với khách hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	500.000.000	30.079.952.290	3.678.600.000	1.912.025.316	36.170.577.606
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.000.000.000	63.383.839.490	11.870.000.000	-	76.253.839.490
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-	956.012.658	956.012.658
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	20.860.000	-	20.860.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(50.665.234.090)	(4.700.000.000)	(956.012.658)	(56.321.246.748)
Số cuối kỳ	1.500.000.000	42.798.557.690	10.869.460.000	1.912.025.316	57.080.043.006

12b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/4530353/HĐTD ngày 30/6/2022 để trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để đầu tư Dự án trang trại trồng nấm rơm công nghệ cao kết hợp điện mặt trời mái nhà nông quang điện One – Thuận An, thời hạn vay từ 30/6/2022 đến hết ngày 14/8/2027, lãi suất vay cố định 6,9%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo sau 12 tháng đầu áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu tháng 1 và tháng 7 hàng năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thuộc Dự án Điện mặt trời áp mái của Công ty (Xem thuyết minh số V.6) và tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 (Xem thuyết minh số VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.098.734.179	7.010.759.495
Số kết chuyển sang vay ngắn hạn	(956.012.658)	(956.012.658)
Số cuối kỳ	4.142.721.521	6.054.746.837

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.026.849.478	141.766.478
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	180.237.000	1.087.000.000
Chi quỹ	(100.000.000)	(85.217.000)
Số cuối kỳ	1.107.086.478	1.143.549.478

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	79.603.100.000	569.520.609	5.092.500.000	(330.903.170)	8.217.877.737	7.183.054.048	100.335.149.224
Lợi nhuận trong kỳ trước				-		82.387.725	82.387.725
Trích quỹ trong kỳ			302.000.000	-		(1.389.000.000)	(1.087.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	79.603.100.000	569.520.609	5.394.500.000	(330.903.170)	8.217.877.737	5.876.441.773	99.330.536.949
Số dư đầu năm nay	79.603.100.000	569.520.609	5.394.500.000	(330.903.170)	8.217.877.737	7.596.424.431	101.050.519.607
Lợi nhuận trong kỳ này				-		(5.691.782.331)	(5.691.782.331)
Trích quỹ trong kỳ			90.118.519	-		(270.355.519)	(180.237.000)
Số dư cuối kỳ này	79.603.100.000	569.520.609	5.484.618.519	(330.903.170)	8.217.877.737	1.634.286.581	95.178.500.276

14b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.960.310	7.960.310
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	66.652	66.652
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.893.658	7.893.658

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ	: 90.118.519
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 180.237.000

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 2.526,97 USD (số đầu năm là 480,30 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu của các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	166.596.574.888	180.363.214.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.441.579.791	10.601.275.010
Doanh thu bán điện thành phẩm	1.724.211.463	1.656.675.878
Cộng	169.762.366.142	192.621.165.430

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu của các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	154.022.601.121	176.246.306.578
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	373.122.360	237.549.669
Giá vốn bán điện thành phẩm	1.066.836.901	1.011.741.396
Cộng	155.462.560.382	177.495.597.643

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.308.158	46.071.554
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	202.658.669
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	362.737.610
Cộng	38.308.158	611.467.833

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.955.931.193	1.915.003.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.169.715.621	114.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.464.214.339	-
Cộng	4.589.861.153	1.915.117.567

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	32.282.654	7.500.000
Chi phí vật liệu, bao bì	3.398.182	1.370.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	33.292.635	88.556.385
Chi phí bảo hành	64.790.310	79.592.768

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.008.387.873	596.175.241
Các chi phí khác	55.700.487	104.237.146
Cộng	1.197.852.141	877.431.540
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.233.373.254	5.467.235.733
Chi phí đồ dùng văn phòng	387.308.596	390.683.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.711.886	117.869.422
Thuế, phí và lệ phí	82.668.945	89.023.929
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)	4.262.973.219	3.169.297.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.120.897.723	1.284.961.162
Các chi phí khác	1.233.206.358	1.850.957.308
Cộng	13.441.139.981	12.370.028.764
7. Thu nhập khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thưởng bán hàng, hỗ trợ khuyến mại	2.576.832	70.715.650
Các khoản thu nhập khác	-	2.200.973
Cộng	2.576.832	72.916.623
8. Chi phí khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	803.519.234	471.599.999
Thuế bị phạt, bị truy thu	78.571	19.008
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	22.001	1.816.435
Các khoản chi phí khác	-	13.000.284
Cộng	803.619.806	486.435.726
9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.691.782.331)	82.387.725
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(5.691.782.331)	82.387.725
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.893.658	7.893.658
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(721)	10

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được lợi nhuận có thể được dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	376.520.542	629.603.301
Chi phí nhân công	6.339.655.908	5.474.735.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.095.711.886	1.129.610.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.147.122.497	1.881.136.403
Chi phí khác	6.119.940.550	5.381.665.114
Cộng	16.078.951.383	14.496.751.369

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Anh Phương - Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc		
Hoàn ứng	35.394.600	-
Ông Đặng Anh Phương - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc		
Hoàn ứng	14.638.000	-
Thu tiền chi hộ	60.000.000	55.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Đặng Anh Phương dùng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 12, thôn Trà Nô, xã Phước Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận thuộc sở hữu của mình (Giấy chứng nhận số CM535827 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 27/04/2018) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (xem thuyết minh số V.12b).

Ngoài ra, Ông Đặng Anh Phương còn dùng bất động sản thuộc sở hữu của Bà Đinh Thị Chiến và Bà Tạ Thị Kim Lan để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (xem thuyết minh số V.12a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này (i)				
Ông Lư Hồng Chiếu ⁽ⁱⁱ⁾	Chủ tịch/ Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	-	30.000.000
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	300.000.000	1.000.000	301.000.000
Ông Hoàng Hà	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	211.000.000
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	211.000.000
Ông La Thanh Cần	Giám đốc chi nhánh	196.200.000	1.000.000	197.200.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	199.800.000	1.000.000	200.800.000
Cộng		1.146.000.000	5.000.000	1.151.000.000
Kỳ trước ⁽ⁱⁱⁱ⁾				
Ông Lư Hồng Chiếu	Chủ tịch/ Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	211.000.000
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	300.000.000	1.000.000	301.000.000
Ông Hoàng Hà	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	211.000.000
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	211.000.000
Ông La Thanh Cần	Giám đốc chi nhánh	196.200.000	1.000.000	197.200.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	198.000.000	1.000.000	199.000.000
Cộng		1.324.200.000	6.000.000	1.330.200.000

(i) Công ty đang tạm trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số tiền 125.000.000 VND (Xem thuyết minh số V.11).

(ii) Mức lương hàng tháng của Ông Lư Hồng Chiếu được điều chỉnh từ ngày 01/8/2023.

(iii) Do không đạt kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nên các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thống nhất không nhận thù lao năm 2023.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hoa

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương